TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **110**/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 25-12-2017.
"V/v Ly hôn giữa
Chị A và anh H"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Bà Nguyễn Thị Thu Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hằng – Là thư ký Toà án của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Ngày 25 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 637/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2017 về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Nhật A; sinh năm 1984; cư trú tại: Đường N, phường A, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. *(Có mặt)*

- *Bị đơn:* Anh Trần Thanh H, sinh năm 1984; cư trú tại: Đường H, phường K, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/11/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Nhật A trình bày: Chị A và anh H kết hôn vào tháng 10/2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng theo giấy chứng nhận kết hôn số 75/2010. Hôn nhân do hai bên tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng thuê nhà trọ sống chung. Quá trình chung sống ngay từ những ngày đầu giữa vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên uống rượu, nên giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cãi vã lẫn nhau, từ khoảng 2 năm gần đây vợ chồng tự sống ly thân không còn quan tâm gì đến nhau. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, không còn khả năng hàn gắn nên xin được ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Hoàng P, sinh ngày 12/7/2012, Trần Thiên Â, sinh ngày 30/8/2015. Ly hôn chị yêu cầu được nuôi con và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con 10.000.000 (Mười triệu đồng)/tháng/ 2 con.

Về tài sản chung: Chị A xác định không có.

Về nợ chung: Chị A xác định không có.

Theo bản tự khai và lời trình bày của bị đơn anh Trần Thanh H thì: Anh H thống nhất về thời điểm kết hôn, nơi đăng ký kết hôn và tự nguyện kết hôn giữa anh và chị A như lời trình bày của chị A. Quá trình sống chung vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống khác nhau, hai vợ chồng ngày càng xa cách, không tìm được tiếng nói chung. Nay anh H cũng xác định không còn tình cảm với chị A nên anh cũng đồng ý ly hôn với chị A.

Về con chung: Anh H xác định vợ chồng có 02 con chung như chị A trình bày. Hiện con đang sống với mẹ. Anh đồng ý giao con cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 10.000.000đồng/ tháng/ 2 con.

Về tài sản chung: Anh H xác định không có.

Về nợ chung: Anh H xác định không có.

Tòa án đã mở phiên hoà giải, tuy nhiên anh H có yêu cầu vắng mặt trong các buổi hòa giải và xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay,

Chị A yêu cầu được ly hôn anh H, yêu cầu được nuôi 2 con chung và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con 10.000.000đồng/ tháng/ 2 con cho đến ngày các con chung trưởng thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xuất phát từ yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Nhật A yêu cầu ly hôn anh Trần Thanh H, yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung nên xác định quan hệ tranh chấp là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con"* theo quy định tại khoản 2, 5 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh H hiện đang công tác và cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng anh đồng ý để cho Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng giải quyết, nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ, bị đơn anh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Nhật A và anh Trần Thanh H kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân có thẩm quyền và được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Quá trình chung sống ngay từ những ngày đầu vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, xích mích, nguyên nhân chủ yếu do tính cách, lối sống giữa vợ chồng không có sự hòa hợp, thiếu sự chia sẻ, thông cảm lẫn nhau nên vợ chồng đã tự sống ly thân từ năm 2015 đến nay, thời gian qua mạnh ai nấy sống không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay cả 2 vợ chồng đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể khắc phục và đều đồng ý ly hôn. Tuy nhiên do anh H vắng mặt nên không thể công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị A và anh H. Toà án căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử chấp nhận yêu cầu của chị A, cho chị A và anh H ly hôn.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Hoàng P, sinh ngày 12/7/2012, Trần Thiên Ân, sinh ngày 30/8/2015. Chị A yêu cầu được nuôi con, anh H đồng ý giao con cho chị A chăm sóc, nuôi dưỡng, vì vậy, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, xử giao 2 con chung cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng.

[5] Về cấp dưỡng: Chị A yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con 10.000.000đồng/ tháng/ 2 con, anh H đồng ý, nên chấp nhận yêu cầu của chị A, buộc anh H đóng góp số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng)/ 2 con/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 01/2018 cho đến khi cháu P và cháu Â đủ tuổi thành niên.

[6] Về tài sản chung: Hai bên xác định không có nên không đề cập.

[7] Về nợ chung: Hai bên xác định không có nên không đề cập.

[8] Về án phí: Chị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị Nhật A và anh Trần Thanh H.

2.Về nuôi con chung:

2.1. Giao con tên Trần Hoàng P, sinh ngày 12/7/2012, Trần Thiên Â, sinh ngày 30/8/2015 cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Anh Trần Thanh H phải cấp dưỡng nuôi con Trần Hoàng P, sinh ngày 12/7/2012, Trần Thiên Â, sinh ngày 30/8/2015 số tiền 10.000.000đ (Mười triệu

đồng)/2 con/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 01/2018 cho đến khi cháu P, cháu Â đủ tuổi thành niên.

Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp, không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày chị A có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền cấp dưỡng nuôi con cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng anh H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị Nhật A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2016/0004173 ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Anh Trần Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

Chị A có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh H vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND Tp Đ;
- Chi cục THADS tp Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký tên và đóng dấu

Lê Thị Vân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh – Nguyễn Thị Thu Thảo **Lê Thị Vân**